

BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Tính đến 15h00' ngày 23/01/2022)

I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 23/01/2022, ghi nhận 2.126.444 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.800.692 điều trị khỏi, 266.693 đang điều trị, 36.599 tử vong (tăng 153 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.097.415 trường hợp (tăng 15.658 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 7.978 ca (tăng 276), trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 7.963 ca, tăng 276 ca, trong đó: 16 khu cách ly; 183 cộng đồng; 77 cách ly tại nhà, khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **15** trường hợp.

2.2. Tình hình điều trị: 2.752 bệnh nhân đang điều trị, trong đó có 05 trường hợp F0 đang được theo dõi, điều trị tại nhà (Vĩnh Yên) (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 5.219 bệnh nhân (tăng 139). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế: lũy tích 79.303 người.

- Số F1 đang cách ly: 5.563 người (cách ly tập trung: 346); lũy tích: 34.456 người (tăng 495).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 35.956 trường hợp (tăng 317) tại các tỉnh/thành phố: TP HCM (5.614), Hà Nội (14.234), Đồng Nai (448), Bình Dương (634), Phú Thọ (9.171) và các vùng có dịch khác (5.852). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 68.272 (dương tính: 570, âm tính: 67.689, chờ kết quả: 13).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.768 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.997 trường hợp.

4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):

4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 3.368 mẫu (123 Realtime - PCR; 3.245 Test nhanh).

4.2. Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.905.217 mẫu (7.978 dương tính; 1.897.193 âm tính; 46 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 2.714 mẫu, lũy tích: 758.126 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 93.173 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.053.918 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 645 mẫu, lũy tích: 607.674 mẫu.

5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 778.392 người (đạt 98,5% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.785.765 mũi (Mũi 1: 778.392; Mũi 2: 767.677, đạt 97,2% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 239.696, đạt 30,3% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 22.643 người; lũy tích: 1.354.901 mũi, đạt 99,5%.

5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.830 người (đạt 94,8% dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 204.732 người (Mũi 1: 107.830 người; Mũi 2: 96.902 người, đạt 85,2% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 2.986 người

6. Khoanh vùng, cách ly xã hội: 0 địa điểm.

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:

1.1. Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

1.2. Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

2. Các khu cách ly tập trung:

2.1. Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 28 cơ sở.

2.2. Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:

3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:

Trong ngày, có 04 người nước ngoài (Hàn Quốc 02, Trung Quốc 01, Đài Loan 01) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với mục đích: làm việc 02, công tác 02. Hiện, toàn tỉnh có tổng số 3.017 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 06 cơ sở kinh doanh, lưu trú; chưa phát hiện vi phạm quy định phòng, chống dịch.

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.090 trường hợp số tiền 8.632.750.000 đồng.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp **cấp bách, tạm thời** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

1. Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân

phiên mẫu gộp cho từ **05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)** và khuyến khích hàng ngày **tạm thời** thực hiện xét nghiệm sàng lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ngăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

*** Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tách được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tô Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (*khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD*).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
I	TỈNH VINH PHÚC	02113.858.858/ 0854325858
II	THÀNH PHỐ VINH YÊN	0858.513.365
III	THÀNH PHỐ PHÚC YÊN	02113.520.678/ 0911.221.718
IV	HUYỆN LẬP THẠCH	02113 666 021/ 0332 441.633
V	HUYỆN TAM DƯƠNG	02113.895.429/ 0857.310.978
VI	HUYỆN TAM ĐẢO	02113.686.369/ 0877205138
VII	HUYỆN BÌNH XUYÊN	02113.503.688/ 0886.016.120
VIII	HUYỆN YÊN LẠC	02113.836.002/ 0379.969.778
IX	HUYỆN VINH TƯỜNG	02116.283.686/ 0982.623.466
	HUYỆN SÔNG LÔ	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngừa; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngừa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Công TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGĐ;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Hữu Vinh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 23/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	P.T.TÍNH	1953	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
2	N.T.DŨNG	2013	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
3	B.V.NHẤT	1985	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
4	N.T.HIỀN	1982	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	N.L.ANH	1990	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
6	N.T.B.YẾN	2017	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
7	N.T.DŨNG	1974	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
8	L.V.HÙNG	1999	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
9	B.V.PHONG	1995	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
10	H.C.ĐỨC	1985	Nam	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	H.V.TU	1937	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	N.C.HÙNG	2015	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	N.T.M.KHUYÊN	1985	Nữ	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
14	Đ.V.TU	1995	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
15	L.C.VIỆT	2003	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
16	T.T.THÀNH	1985	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
17	N.V.BÌNH	2003	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	N.V.VỊNH	1986	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
19	Đ.T.KHÁI	1993	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	T.V.ĐIỆP	1993	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	N.T.TÙNG	2000	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	H.T.XUYÊN	1992	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	V.T.LẬP	1993	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	D.T.MINH	1992	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
25	N.T.XUÂN	1997	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	L.V.TUẤN	1980	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	N.T.T.HIỀN	2000	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	B.V.LÂM	1981	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
29	L.T.B.NGOC	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
30	H.T.HƯỜNG	2003	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
31	N.T.NHUNG	2000	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
32	C.V.MAI	1989	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
33	N.D.HIẾU	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
34	Đ.A.DŨNG	2001	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	N.V.HẬU	1989	Nam	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
36	P.V.NGHỊ	1977	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
37	N.T.CHÍN	1978	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	P.S.MÃY	2004	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
39	H.T.LOAN	1992	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
40	T.T.KIỆT	1999	Nam	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	N.T.T.HƯƠNG	1993	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
42	L.T.SÁU	1972	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
43	D.V.LẬP	1965	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	D.T.LINH	1994	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
45	Đ.T.XUẤT	1969	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
46	T.M.NAM	2016	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
47	H.T.TUYẾT	1996	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	H.V.SƠN	2003	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	S.T.HIỀN	1998	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	Đ.T.HƯƠNG	1993	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	H.V.QUÂN	1989	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	N.T.LAN	1993	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
53	N.V.HUYỀN	1996	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
54	L.T.LUẬN	1957	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	H.V.NAM	1997	Nam	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	N.T.GIANG	1999	Nữ	Triệu Đề	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	N.T.TRÂN	1977	Nam	Triệu Đề	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	N.T.HIẾU	1995	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	N.T.THU	1999	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	N.T.NGUYỄN	2018	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
61	H.T.XUYỀN	1986	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
62	N.V.KHÔI	2012	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	N.T.SÙNG	1974	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
64	N.T.LƯƠNG	1982	Nữ	Liễn Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
65	P.K.HÀ	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
66	B.T.HUYỀN	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
67	N.C.DŨNG	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
68	Đ.D.PHÚC	2014	Nam	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
69	Đ.B.NGỌC	2012	Nữ	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
70	K.DŨNG	1978	Nam	Tiên Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
71	N.T.T.TRÚC	2012	Nữ	Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
72	N.V.HÙNG	1988	Nam	Ngọc Mỹ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	Đ.T.HÀNG	1988	Nữ	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	B.T.CÔNG	2003	Nam	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
75	N.T.XUÂN	1990	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	N.T.T.THANH	1989	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	L.V.TIÊN	1982	Nam	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
78	L.N.ÁNH	2013	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
79	N.V.HẢI	1959	Nam	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
80	L.T.HÙNG	1982	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	P.V.VIỆT	1990	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
82	T.V.HẬU	1990	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	N.T.T.HUYỀN	1990	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
84	N.V.DŨNG	1987	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	H.V.CHIẾN	1989	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	N.T.K.ANH	2011	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	N.T.T.MAI	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
88	N.Đ.THỌ	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
89	Đ.T.VÂN	2001	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
90	H.T.CHUỘT	1937	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
91	H.T.MAI	1978	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	N.T.P.THÙY	1997	Nữ	Cao Phong	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
93	N.L.PHI	1977	Nam	Cao Phong	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	N.V.HUY	1980	Nam	Cao Phong	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	N.T.HIỀN	2011	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
96	N.T.NGUYỄN	2012	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
97	V.B.KHÁNH	2020	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
98	B.X.HIỆN	1989	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
99	N.V.THÀNH	1988	Nam	Đồng Thịnh	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	P.T.HOÀN	1978	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	T.T.THỎ	1952	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
102	Đ.T.T.HIỀN	1988	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	T.T.THU	1997	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
104	N.A.NHI	2019	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
105	N.T.LY	1989	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	Đ.Q.VŨ	2013	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
107	N.T.LOAN	2002	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
108	Đ.M.PHƯƠNG	1996	Nữ	TT. Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
109	L.Q.CƯỜNG	2000	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
110	Đ.T.THẢO	1981	Nữ	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
111	P.T.LÝ	1975	Nữ	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
112	P.Đ.ĐỨC	1974	Nam	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
113	P.Q.HUY	2000	Nam	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
114	P.B.QUYÊN	2013	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	N.T.NỤ	1998	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	T.T.K.HUYỀN	1999	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
117	Đ.T.LÝ	1977	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	Đ.T.DUNG	1995	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
119	N.V.BÁT	1998	Nam	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
120	H.T.T.XUÂN	1996	Nữ	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
121	L.T.VIỆT	1963	Nữ	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
122	N.V.LÂM	2012	Nam	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
123	N.V.ĐIỆP	2010	Nam	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
124	L.T.THUẬT	1985	Nữ	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
125	C.D.CƯỜNG	1985	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
126	L.T.LINH	2007	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
127	T.T.BA	1984	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
128	T.T.LIÊN	2003	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
129	T.T.XUÂN	2006	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
130	H.T.LOAN	1995	Nữ	Yên Dương	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
131	T.T.BÍCH	1998	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
132	L.B.ANH	2017	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
133	L.B.CHÂM	2020	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	P.H.THƯƠNG	2017	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	N.T.HẬU	1998	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
136	N.T.QUYÊN	1990	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
137	N.G.HUY	2021	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
138	N.T.LAN	1997	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
139	T.Q.HÀ	1997	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
140	D.V.MẠNH	1996	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	T.V.HẢI	2002	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
142	N.V.TÙNG	2010	Nam	TT. Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
143	D.T.NGA	1987	Nữ	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
144	L.T.ÁNH	1992	Nữ	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
145	N.V.HỢP	1998	Nam	Lý Nhân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
146	P.V.CƯỜNG	1985	Nam	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
147	Đ.T.LAN	1998	Nữ	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
148	N.D.KHÁNH	2021	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
149	N.T.M.PHƯƠNG	1997	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
150	V.V.ĐIỆP	1984	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
151	P.V.TUYẾN	1980	Nam	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
152	T.T.B.CHINH	1998	Nữ	Tân Tiến	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
153	B.T.ĐẠT	1969	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
154	L.V.HỢP	1993	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
155	V.T.NGUYỄN	2010	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
156	N.T.M.HUỆ	1981	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
157	L.T.T.NHÀN	1996	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
158	T.V.CẢNH	1993	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
159	T.Đ.PHONG	2017	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
160	T.K.HUỆ	2019	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
161	T.B.NGỌC	2014	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
162	T.D.MY	2018	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
163	P.T.HÒA	1972	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
164	P.T.ĐIỆT	1952	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
165	N.V.ĐỨC	1983	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
166	T.N.THẮNG	1985	Nam	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
167	H.A.VIỆT	1983	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
168	Đ.D.KHÁNH	2017	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
169	L.V.DUNG	1972	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
170	K.T.CHIẾN	1953	Nữ	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
171	N.T.THỐM	1991	Nữ	Đại Đồng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
172	P.D.NGHĨA	2021	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
173	N.H.NGỌC	2002	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
174	N.H.THỊNH	2018	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
175	T.V.ĐẠT	1962	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
176	T.T.HOA	1984	nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
177	V.T.YẾN	1967	nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
178	T.H.ANH	1990	nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
179	N.V.LONG	1989	Nam	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
180	T.T.THẢO	1983	Nữ	Đại Đồng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
181	L.T.HÀ	1996	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
182	B.D.LONG	2015	Nam	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
183	H.T.NHUNG	1970	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
184	P.V.ĐỎ	2002	Nam	Lý Nhân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
185	N.H.BÌNH	1961	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
186	P.M.N.QUANG	2020	Nam	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
187	N.H.QUÂN	2010	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
188	Đ.V.NHẤT	1998	Nam	TT. Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
189	T.T.YẾN	1988	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
190	Đ.T.LIỆU	1975	Nữ	Văn Tiến	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
191	V.B.MINH	2011	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
192	Đ.T.V.ANH	2008	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
193	N.V.KIÊN	2014	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
194	K.T.BÁC	1984	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
195	N.T.TRANG	2003	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
196	H.T.HOÀ	1990	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
197	B.T.NGUYỄN	1997	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
198	Đ.T.VĂN	1988	Nữ	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
199	N.T.H.NHUNG	1980	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
200	L.T.THẢO	1959	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	T.T.H.LIÊN	1981	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
202	N.T.M.LINH	1988	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
203	H.Q.THẮNG	1995	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
204	P.V.TÚ	1990	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
205	P.Ô.KHÉ	1993	Nam	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
206	L.T.THÂN	1959	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
207	Đ.T.LOAN	1989	Nữ	Xuân Hoà	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
208	N.T.QUÝ	1954	Nữ	Xuân Hoà	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
209	N.H.TRÀ	2010	Nữ	Xuân Hoà	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
210	N.T.TRANG	2012	Nữ	Xuân Hoà	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
211	N.T.HẰNG	1972	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	Đ.T.VIỆT	1982	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
213	T.X.DƯƠNG	1994	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
214	N.T.HOÀ	1990	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
215	D.V.TIÊN	2013	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
216	N.T.THỜM	1989	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
217	L.V.HÀ	1988	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
218	T.V.SƠN	1985	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
219	T.G.LINH	2014	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
220	Đ.T.TÁM	1990	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
221	L.V.HUỶNH	1986	Nam	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
222	N.T.TRANG	1996	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
223	N.M.CUÔNG	1993	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
224	D.T.MAI	1962	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
225	V.T.OANH	1954	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
226	L.T.TỈNH	1962	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	L.V.PÂNG	2000	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
228	N.T.OAI	2004	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
229	N.V.TÂN	1971	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
230	N.T.T.HẰNG	1991	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
231	L.M.DƯƠNG	2009	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
232	L.M.TUẤN	1998	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
233	L.A.TÙNG	1993	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
234	C.T.MÂY	1976	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
235	Đ.P.THẢO	2002	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
236	Đ.D.NAM	2004	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
237	N.Đ.MINH	1967	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
238	Đ.N.LONG	1983	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
239	T.T.AN	1999	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
240	B.V.NAM	1987	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
241	L.X.ĐẠI	1973	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
242	P.Q.ÁT	1979	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
243	N.T.HỘI	1981	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
244	N.M.TRIẾT	2020	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
245	N.Đ.PHONG	1980	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
246	K.T.N.LAN	1972	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
247	N.T.THỜM	1984	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	L.T.L.PHƯƠNG	1988	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
249	N.T.M.HIỀN	1987	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
250	N.T.HIỆP	1986	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
251	N.H.NAM	2018	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
252	H.T.B.HỒNG	1991	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
253	N.T.XUÂN	1990	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
254	L.N.QUỲNH	1989	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
255	T.T.VÂN	1989	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
256	H.V.SƠN	1985	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	L.T.N.VÂN	1990	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
258	N.N.PHONG	2015	Nam	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
259	N.T.NGÂN	1958	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
260	N.B.ANH	2013	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
261	Đ.M.HOÀN	2013	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
262	N.D.Q.CHI	2020	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
263	N.T.T.TRANG	1984	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
264	T.T.HOA	1964	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
265	N.T.ĐẠT	1986	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	H.P.ANH	1998	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
267	N.L.GIANG	2012	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	N.T.ĐOÀN	1983	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
269	N.T.ĐỊNH	1972	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	Đ.V.LONG	1980	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
271	Đ.T.HẢI	1959	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
272	Đ.H.HUYỀN	1984	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
273	Đ.M.NGỌC	2012	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
274	Đ.T.AN	2020	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
275	N.T.HƯƠNG	1995	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
276	N.T.N.LINH	1997	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

Phụ lục 2:
TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
(Kèm theo Bản tin ngày 23/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	119	1	9	111
2	BVDC số 2	115	4	13	106
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	47	0	0	47
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	643	19	34	628
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	9	12	4	17
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	82	21	4	99
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	0	0	0	0
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	185	18	18	185
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	0	0	0	0
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	59	6	0	65
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	59	1	0	60
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	111	7	3	115
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	50	2	0	52
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	134	6	15	125
15	Tam Đảo (Cơ sở 3)	21	42	21	42
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	54	10	8	56
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	61	17	17	61
18	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	89	21	0	110
19	Vĩnh Tường (Cơ sở 4)	84	5	0	89
20	Vĩnh Yên	353	27	30	350
21	Yên Lạc (Cơ sở 1)	88	21	0	109
22	Yên Lạc (Cơ sở 2)	185	15	24	176
23	Bệnh viện 74 Trưng vương	0	0	0	0
24	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	9	0	2	7
25	Điều trị tại nhà (Vĩnh Yên)	2	3	0	5
26	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	56	273	192	137
Tổng số		2.615	531	394	2.752